TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Và Dưỡng; Ông Trần Quang Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Viển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐ- DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Lâm T – sinh năm 1973.

Địa chỉ: KDC 6, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc T – sinh năm 1979.

Địa chỉ liên hệ: số 06 KDC 2, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2019, các bản tự khai, biên bản phiên họp, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn anh Nguyễn Lâm T trình bày:

Anh là giáo viên Trường tiểu học L thuộc ấp H, xã N, huyện Đ (sau đây gọi tắt là Trường); nhà anh và nhà anh Trần Ngọc T gần nhau nên anh biết anh T có nghề mua bán củi. Vào tháng 6/2017, Trường tỉa thưa một số cây xà cừ, phượng vĩ để lấy đất xây phòng học nên anh thỏa thuận để anh T thực hiện cưa tỉa thưa và bán số gỗ này cho anh T với giá 40.000.000đ.

Tuy nhiên, sau khi cắt cây ra củi và chở đi xong, anh T nợ tiền bán cây của Trường và hẹn lần, hẹn lựa. Trường quy cho anh trách nhiệm đòi tiền anh Thanh vì anh đã giới thiệu anh T mua cây trong khi anh T chưa có tiền trả ngay cho Trường; do đó, anh đã cho anh T vay số tiền 40.000.000đ để trả xong cho nhà trường vào tháng 9/2017. Khi cho vay tiền, anh và anh T không làm biên nhận, không ai chứng kiến và không tính tiền lãi.

Để đảm bảo về mặt chứng cứ, vào ngày 02/12/2018 anh yêu cầu và anh T đồng ý viết cho anh "Giấy hẹn" trả nợ, toàn bộ giấy hẹn là do anh T tự viết ra và ký tên. Sau khi viết giấy hẹn, anh T không trả tiền mà lại tiếp tục hứa hẹn, trốn tránh. Nay anh yêu cầu Tòa án buộc anh T trả lại số tiền 40.000.000đ và anh không yêu cầu tính tiền lãi.

- Đối với anh Trần Ngọc T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không nộp văn bản nêu ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Có đủ căn cứ xác định anh Trần Ngọc T có vay của anh Nguyễn Lâm T số tiền 40.000.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T trả cho anh T số tiền 40.000.000đ.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ giấy hẹn ngày 02/12/2018 của anh Trần Ngọc T thừa nhận nợ anh Nguyễn Lâm T số tiền 40.000.000đ và hứa trả vào tháng 02/2019 nhưng không thực hiện nên hai bên xảy ra tranh chấp. Đến

ngày 14/6/2019, anh T khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Anh Trần Ngọc T không thực hiện quyền phản tố nên không đặt ra xem xét.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Ngọc T thường trú tại số 06 khu dân cư 2, ấp H, xã N, huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Lâm T và Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định anh Nguyễn Lâm T là nguyên đơn và anh Trần Ngọc T là bị đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2019, Hiệu trưởng Trường tiểu học L là ông Lê Hữu N xác định: tiền bán củi là của riêng anh T; Trường không liên quan gì đến việc tranh chấp giữa anh T và anh T (BL 33).

Tại Bản tự khai ngày 06/8/2019, vợ anh T là chị Nguyễn Thị T xác định số tiền anh T cho vay là tài sản riêng của anh T và chị T không có ý kiến tranh chấp. Chị T từ chối tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (BL 33d).

Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2019, Công an xã N xác định: anh T chưa có vợ, con mà còn ở chung nhà với cha (BL 31, 32).

Do việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng quyền, nghĩa vụ của ai khác nên Tòa án không thêm người tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự thì luật áp dụng là:

Các Điều 26, 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 92, 94, 146, 147, 160, 161, 162, 184, khoản 1 và 3 Điều 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản; lãi suất trung bình trên thị trường; quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án.

Về án phí sẽ được điều chỉnh bằng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1.6] Về việc vắng mặt đương sự: anh Nguyễn Lâm T có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Trần Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.7] Về thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tất cả các chứng cứ đã được Tòa án thông báo, công bố tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và sao chụp niêm yết cho đương sự vắng mặt trong vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án đã mở phiên hòa giải cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

[2.1] Về quá trình tranh chấp:

Anh Nguyễn Lâm T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Trần Ngọc T phải trả số tiền nợ vay là 40.000.000đ. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh Tuấn đã cung cấp cho Tòa án bản gốc "Giấy hẹn" ghi ngày 02/12/2018 của Trần Ngọc T (BL 36).

Giấy hẹn có nội dung *"Tôi Trần Ngọc T thường trú tại ấp H – N – Đ – Đồng Nai. Tôi có nợ của anh Nguyễn Lâm T thường trú ấp 4, xã P số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Nay tôi chưa có trả. Vì vậy tôi hẹn lại anh T khoảng 03 tháng nữa tức là vào khoảng tháng hai năm 2019 tôi sẽ trả tiền cho anh T.*

Đ ngày 02/2/2018 (Chữ ký) Trần Ngọc T".

Do anh Trần Ngọc T không hợp tác nên anh Nguyễn Lâm T yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh T trên "Giấy hẹn".

Tại Quyết định trưng cầu giám định số 03/2019/QĐ-TCGĐ ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ ký và chữ viết của anh Trần Ngọc T trong "Giấy hẹn" do anh T cung cấp với các chữ ký, chữ viết của anh Trần Ngọc T được lấy từ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2013/TLST-KDTM ngày 08/01/2013 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P với anh Trần Ngọc T (đang lưu trữ tại Tòa án).

Theo bản kết luận giám định số 3769/C09B ngày 22/8/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Chữ viết, chữ ký trên "Giấy hẹn" đề ngày 02/12/2018 với chữ viết, chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1, M2, M3 **là do cùng một người ký và viết ra** (bút lục số 55).

Do đó, Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Lâm T và buộc anh Trần Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 40.000.000đ

[2.2] Đối với tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết của anh T là 5.200.0000đ; anh T đã tạm ứng 5.200.0000đ và đã chi hết cho việc thực hiện giám định (BL 39). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên anh T có nghĩa vụ nộp để hoàn lại cho anh T theo quy định tại Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 40.000.000đ x 5% = 2.000.000đ.

Hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ theo biên lai số 0002312 ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

[2.7] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 92, 94, 146, 147, 160, 161, 162, 184, khoản 1 và 3 Điều 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Lâm T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với anh Trần Ngọc Thanh.

Buộc anh Trần Ngọc T trả cho anh Nguyễn Lâm T số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

2. Chi phí giám định: Anh Trần Ngọc T có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Lâm Tuấn số tiền 5.200.000đ (năm triệu, hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Ngọc T phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Lâm T số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai số 0002312 ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

4. Anh Nguyễn Lâm T, anh Trần Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Xuân Hòa